

Cảm hứng thiền qua bài thơ Xuân Vãn của Trần Nhân Tông

ISSN: 2734-9195

15:00 10/06/2025

Chân tâm Phật tính là mục tiêu lý tưởng cả cuộc đời của các thiền sư - thi sĩ, là sự giải thoát với ý nghĩa cao nhất, tuyệt đối nhất. Sự nhất quán này không chỉ thể hiện rõ trong tư tưởng Thiền, mà còn thống nhất trong toàn bộ hệ thống thơ Thiền thời Lý - Trần.

Dẫn nhập

Nền văn học viết Việt Nam trải qua hơn ngàn năm định hình và phát triển đã để lại thành tựu hết sức to lớn. Đây thật sự là tài sản vô giá trong đời sống tinh thần của dân tộc, là niềm tự hào cho truyền thống văn hóa đầy tính nhân văn của người Việt Nam.

Ngược dòng thời gian tìm về cội nguồn văn học dân tộc, nơi mà nền văn học viết bắt đầu cắm rễ và chuyển mình vươn cao trên mảnh đất xã hội của những ngày đầu phong kiến tự chủ, chúng ta không khỏi kinh ngạc trước tinh thần và hào khí ngất trời của một thời đại vàng son trong lịch sử dân tộc.

Đó chính là thời đại Lý - Trần, một thời đại quan trọng mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc sau hàng ngàn năm nô lệ, đã gây dựng nên nền phong kiến tự chủ Đại Việt thịnh đạt về mọi mặt và chính ở đây ghi lại những chiến công chói lọi trong trang sử chống ngoại xâm của dân tộc.

Thật thiếu sót khi chúng ta tìm hiểu thời đại Lý - Trần mà bỏ qua bộ phận văn học được sáng tác trong thời kỳ này, thời đại Lý - Trần nói chung và thời Trần nói riêng, thơ thiền là một viên minh châu sáng chói tiêu biểu nhất cho việc phản ánh khí thế, tâm lý và đời sống tinh thần của thời đại hào hùng còn âm vang hoài vọng. Từ đó có thể khẳng định, Phật giáo thời kỳ này đã tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội. Sự tác động đó diễn ra theo chiều hướng tích cực, lợi ích cho quốc gia và dân tộc.



Ảnh: Internet

Khi nhắc đến Trần Nhân Tông, người ta nghĩ ngay đến một vị vua, một thiền sư ít ai nghĩ đến một nhà thơ. Nhưng Trần Nhân Tông lại là một nhà thơ xuất chúng với nhiều tác phẩm giá trị. Thơ của ngài hài hòa giữa chất thiền và thể sự, giữa đạo và đời đóng góp về cả mặt nội dung và nghệ thuật cho nền văn học thuở sơ khai. Nói như thế không có nghĩa là những giá trị ấy thô sơ mà ngược lại vô cùng trong trẻo, tinh tế.

Trong đó, thiên nhiên là đề tài có vai trò quan trọng trong việc góp phần khẳng định vị trí đặc biệt của thơ ca đời Trần trong tiến trình văn học cổ điển dân tộc.

Trần Nhân Tông chịu ảnh hưởng của triết lý Thiền từ nhỏ nên thơ ông luôn phẳng phất dư vị thiền. Chính vì thế, thiên nhiên trong thơ của ngài mang ý nghĩa biểu tượng, là khách thể để chủ thể kí thác những quan niệm sống, những triết lý thiền vào đó. Nhưng dưới góc độ của thi nhân thì thiên nhiên trong thơ Trần Nhân Tông có những nét rất thật và đậm chất thơ.

Vì vậy người viết chọn đề tài: *“Cảm hứng thiên nhiên trong thơ thiền qua bài “Xuân Vãn” của Trần Nhân Tông”* để làm sáng tỏ cảm hứng thiên nhiên trong thiên nhiên, từ vẻ đẹp thiên nhiên hiển lộ được tính thẩm mỹ, cái đẹp trong thơ thiền thời Trần nói chung và trong thơ Trần Nhân Tông nói riêng.

1. Tác giả, tác phẩm

1.1. Tác giả

Trần Nhân Tông (1258-1308) tên thật là Trần Khâm, tên tự là Nhật Tôn, là con trưởng Trần Thánh Tông. Ông tư chất thông minh, nhân ái và là vị vua anh hùng đã lãnh đạo toàn dân hai lần kháng chiến chống Nguyên thắng lợi (năm 1285 và 1288). Trong 14 năm trị vì (1279-1293), ông luôn quan tâm thực thi chính sách nhân dân nên đã đoàn kết và huy động được sức mạnh toàn dân trong bảo vệ cũng như xây dựng đất nước, tạo nên thời kỳ thịnh vượng với nhiều thành tựu chính trị, văn hóa, xã hội đáng kể. Triều đại Trần Nhân Tông, có hai cuộc hội nghị nổi tiếng đã ghi vào sách sử là Hội nghị các vương hầu tướng lĩnh ở Bình Than và Hội nghị các bô lão cả nước ở Diên Hồng để bàn luận mưu lược, quyết tâm đánh giặc. Theo truyền thống của dòng tộc, Trần Nhân Tông cũng say mê nghiên cứu đạo Phật. Sau khi lên làm Thái Thượng Hoàng một thời gian, ông xuất gia tu học ở núi Yên Tử, lấy pháp hiệu là Trúc Lâm đại đầu đà và là sơ tổ sáng lập Thiền Phái Trúc Lâm Việt Nam, với những nét riêng để phù hợp với phong tục tập quán của con người và dân tộc Việt Nam. Ông được người đời tán dương, tôn xưng là Điều Ngự giác Hoàng. Trần Nhân Tông còn là nhà thơ uyên bác, xuất sắc của thế kỷ XIII. Thơ của ông là sự kết hợp hài hòa giữa thiên nhiên, con người, triết học và những rung động tinh tế của một tâm hồn nghệ sĩ tha thiết yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên, yêu sự giản dị và thấu rõ sự vô thường trong cuộc đời.

1.2. Tác phẩm

Trần Nhân Tông được xem là một nhà thơ, nhà văn hóa tiêu biểu của Đại Việt thời trung đại, tác phẩm của Ông bao gồm: *Thiền lâm thiết chủy (Ngũ lục về trùng độc thiết chủy trong rừng Thiền)*, *Tăng già toái sự (Chuyện vụn vặt của sư tăng)*, *Thạch thất my ngữ (Lời nói mê trong nhà đá)*, *Đại hương hải ấn thi tập (Tập thơ ấn chứng của biển lớn nước thom)*, *Trần Nhân Tông (Tập thơ Trần Nhân Tông)*, *Trung Hưng thực lục (2 quyển): chép việc bình quân Nguyên xâm lược*. Các tác phẩm trên đều đã thất lạc, chỉ còn lại 32 bài thơ, kệ chép trong Thánh đăng ngũ lục, Thiền tông bản hạnh, An Nam chí lược, Nam Ông mộng lục, Việt âm thi tập và Toàn Việt thi lục, cộng thêm 3 đoạn phiên trong Đại Việt Sử ký Toàn thư và An Nam chí lược. Xuân Vãn là một trong những tác phẩm tiêu biểu nói về sự giác ngộ của Ngài, sự biến chuyển tâm thức từ chưa hiểu biết đến thấu rõ sự đời, thực tại của cuộc sống. Tâm hồn giống như con ngựa chạy, khi chuyển cãnh không đứng im một chỗ, luôn tìm cái đẹp cái hoàn hảo, nhưng một khi biết giáo lý của Phật, hiểu được vô thường, khổ không vô ngã, thì mọi thứ bình thường cho dù chúa xuân đang ở bên đi nữa thì cũng là không.

2. Cảm hứng Thiên trong thơ thiên nhiên đời Trần và bài thơ Xuân Vãn

2.1 Cảm hứng thiên trong thơ thiên nhiên đời Trần

Thời trung đại, đời sống nông nghiệp là chủ yếu, nên con người dựa vào tự nhiên, khai thác tự nhiên để sống. Do đó con người hòa nhập thiên nhiên, xem thiên nhiên với con người là "*Vạn vật nhất thể*". Con người chưa xem mình là một chủ thể đối lập với tự nhiên là khách thể để chiêm nghiệm, phân tích, lý giải... Như vậy, đặc trưng của thế giới tự nhiên trong cái nhìn của con người trung đại là chúng có tính toàn vẹn không phân hoá, không tách biệt. Thế nên thơ ca phương Đông rất chú ý đến hình ảnh của thiên nhiên và xem đây là đối tượng thẩm mỹ, thông qua miêu tả cảnh vật để bộc lộ tâm tình. Thơ ca đầu đời Trần, thiên nhiên còn bao hàm triết lý như trong thơ Trần Thái Tông, Tuệ Trung. Nhưng từ giữa đời Trần về sau, thiên nhiên đã trở thành đối tượng thẩm mỹ đích thực. Càng về cuối đời Trần, thi nhân tiếp xúc với thiên nhiên ngoại cảnh với nhiều cảm xúc, phong phú, đa dạng, từ tâm trạng bình lặng trước cảnh thiên nhiên cô tịch, xa vắng, đến những cảm khái nhẹ nhàng rồi bất mãn với thời cuộc. Thiên nhiên lúc này vừa là sự rung động của thi nhân biểu lộ cảm quan Thiền học, vừa phóng khoáng của tư tưởng Nho gia và cái nhân dật của Lão Trang.



Ảnh: Internet

Thơ Thiền gắn với tư tưởng Thiền và mỹ học Thiền, thường tập trung đề cập những vấn đề liên quan đến bản thể luận và giải thoát luận. Phật giáo Thiền tông quan niệm “vạn vật nhất thể”, “tâm pháp nhất như”, bản thể của mọi chúng sinh bao gồm cả các loài hữu tình và vô tình đều không khác. Xét đến cùng, ngộ nhập, sống trọn vẹn với con người thật không địa vị, với chân tâm Phật tính là mục tiêu lý tưởng cả cuộc đời của các thiền sư - thi sĩ, là sự giải thoát với ý nghĩa cao nhất, tuyệt đối nhất. Sự nhất quán này không chỉ thể hiện rõ trong tư tưởng Thiền, mà còn thống nhất trong toàn bộ hệ thống thơ Thiền thời Lý - Trần. *“Mỹ học thiền không phải là khái niệm tĩnh. Đó là khái niệm luôn được phát hiện dần trên con đường sâu thẳm của các loại hình nghệ thuật có xuất phát điểm từ tư tưởng Phật giáo với hạt nhân cốt lõi là tư tưởng Thiền”*. [1, tr.7.]

Khác với thời Lý, những hình ảnh thiên nhiên xuất hiện trong thơ như là những biểu tượng của lẽ Thiền, chất lí trí còn đậm. Đến thời Trần thì đa phần trong sáng tác của các thi nhân, thiền sư, thiên nhiên đã thực sự trở thành đối tượng thẩm mĩ. Các thi nhân, Thiền sư đã trải lòng với cảnh núi cao sông dài, với ánh trăng trên đoá mộc tê, trải tâm mắt với cánh bạch âu lưng trời, theo đàn cò liệng xuống cánh đồng chiều vắng, rồi ngắm cảnh bướm xuân phơi phới trên những đóa hoa thắm tươi đầy hương sắc. Con người Thiền sống giữa thiên nhiên để thấy tâm hồn mình về với Chân Như, với những cảm xúc hồn nhiên không gợn niềm trần tục.

Thiền gia cảm nhận thiên nhiên bằng tâm hồn tĩnh tại, an nhiên, bởi họ cho rằng Bản thể của vũ trụ là trống không khi tâm đạt tới độ tĩnh tại tuyệt đối, tâm trong suốt vắng lặng thì có thể hòa nhập vào bản thể của vũ trụ vạn vật. Thiên nhiên qua cái nhìn của Thiền gia mặc dù bình dị nhưng lại thấm đẫm hơi hướng mỹ cảm Thiền. Đọc bài thơ Nguyệt của Trần Nhân Tông chúng ta có thể dễ dàng nhận ra điều đó.

Trước thiên nhiên tươi đẹp, Thiền nhân chỉ "cảm" mà không trực tiếp "giải bày" bằng lời. Con người Thiền thường "vô ngôn" trước cảnh sắc ngoại giới. Lời nói hữu hạn không thể nào diễn tả được hết cái biến thiên, cái hằng thường. Cái Hữu của lời nói không thể nào chiếm lĩnh cái Vô, cái Không tuyệt đối mang tính vĩnh hằng của Bản thể. Phật hoàng Trần Nhân Tông đã từng có những trải nghiệm với những giây phút "vô ngôn" trước cảnh sắc tươi đẹp đất trời trong tiết xuân trong tác phẩm Xuân Cảnh. Sâu trong khóm hoa dương liễu, chim hót chậm rãi - Dưới bóng thềm ngôi nhà chạm vẽ, mây chiều lướt bay - Khách đến chơi không hỏi việc người đời - Cùng dựa lan can ngắm màu xanh của chân trời. “Con người vô ngôn” là hình ảnh nổi bật trong thơ thiên nhiên đời Trần. Các thi nhân đề cao trực cảm, bác bỏ suy luận lí trí nên họ xem thường ngôn ngữ, bởi

ngôn ngữ hữu hạn không thể diễn đạt được chân lí vô cùng. Họ chủ trương con đường duy nhất đạt được chân lí là sự chứng nghiệm của bản thân chứ không thể thay thế bằng những lời diễn giải, thuyết minh. Ở bài thơ, ta thấy khách và chủ vốn đều là những “người vô ngôn”, không trò chuyện. Nhưng thực chất họ đã nói với nhau rất nhiều. Điều đó được thể hiện qua hư từ cộng. Cộng lúc này trở thành nhãn tự của cả bài thơ. Cộng thể hiện sự hoà nhập, hoà hợp giữa hai tâm hồn với nhau đồng thời giữa hai tâm hồn ấy với thiên nhiên tạo vật. Cả khách - chủ đều đã đạt được sự đại ngộ bởi khi họ cùng bình tâm, tâm đã tĩnh từ đó có thể chiêm nghiệm lẽ đời, những “nhân gian sự” từ thiên nhiên ngoại vật.

Thơ thiên nhiên mang cảm hứng Thiền còn bộc lộ cái xao xuyến của tâm hồn thi nhân trước cảnh sắc thiên nhiên lung linh, huyền ảo. Cái đẹp của thiên nhiên được tạo dựng giữa Thực và Hư, giữa Sắc và Không, giữa Hữu và Vô, giữa Động và Tĩnh. “ Đăng Bảo Đài sơn” của Trần Nhân Tông là một bức tranh thiên nhiên được khắc họa bởi những yếu tố đối lập đó. Đất vắng vũ đài thêm cổ kính - Theo thời tiết mưa xuân chưa về lâu - Ngọn núi phủ mây khi xa khi gần - Con đường hoa nửa sáng nửa tối - Muôn việc như nước trôi theo nước - Trăm năm lòng nói tới lòng - Đứng tựa lan can cầm ngang ống sáo ngọc - Trăng sáng rọi đầy cả ngực và bụng.

Thiền nhân trong thời Trần, có những khoảnh khắc "quên". Họ không muốn tìm quên trong tụng niệm mõ chuông mà tìm quên trong thiên nhiên. Thơ thiên nhiên đời Trần có những vần thơ kết hợp giữa những rung cảm cá nhân và tư tưởng Thiền học. Đó là những lời tâm sự, nổi xao động giữa cảnh đời cảnh đạo, tâm hồn đơn côi và hoang lạnh giữa mịt mờ trời đất rộng lớn.

2.2. Thiên nhiên xuất hiện cảm hứng thiền trong bài thơ “Xuân Vãn ”

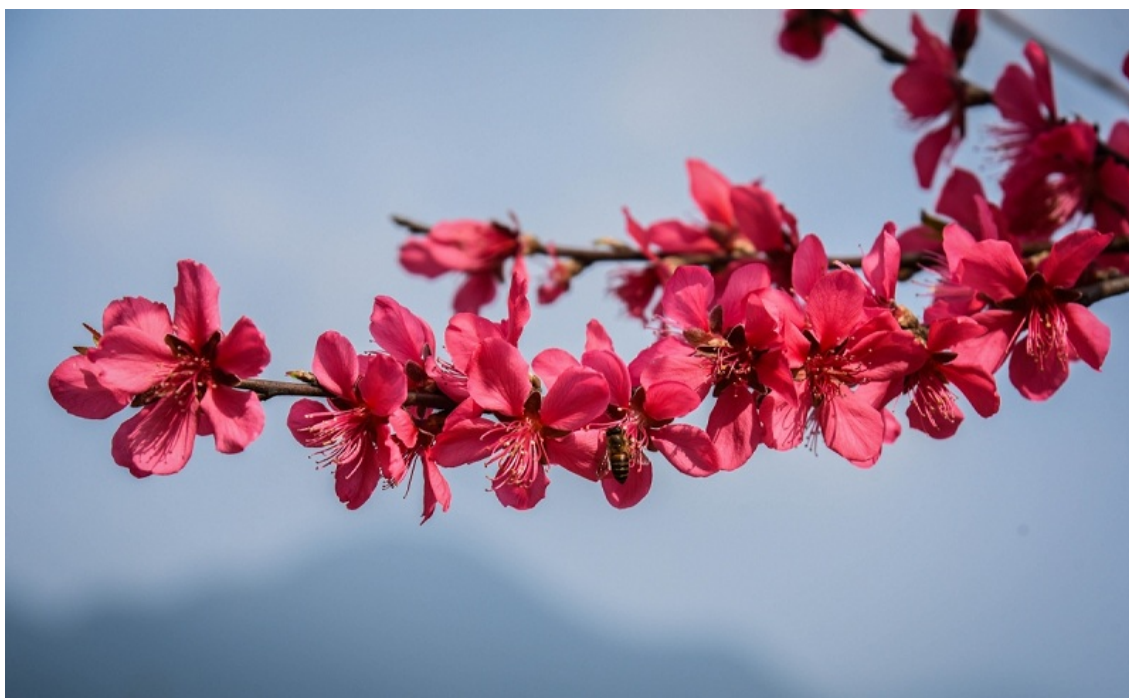
Xuân vãn

*Niên thiếu hà tăng liễu sắc không,
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung.
Như kim khám phá Đông hoàng diện,
Thiền bản, bồ đoàn khán trụ hồng.*

Hòa thượng Trúc Lâm dịch:

Cuối Xuân

*Thuở bé chưa từng rõ sắc không,
Xuân về hoa nở rộn trong lòng.
Chúa Xuân nay bị ta khám phá,*



Ảnh: Internet

Trên hành trình vạn kỉ đi tìm cái đẹp, dù là ai đi chẳng nữa, khi ngòi bút của họ được đặt xuống thì chắc chắn sẽ góp phần tô thêm màu sắc tươi sáng cho cuộc đời, tạo thành nét đặc trưng cho một dân tộc, cho một quốc gia độc lập, vững mạnh. Thời nào cũng thế, cũng sẽ có những anh hùng trong làng thơ ca. Dù thời gian âm thầm lướt qua vô tình, nhưng không bao giờ có thể chôn vùi những tác phẩm có giá trị nhân văn, ngược lại thêm phần tôn vinh giá trị vĩnh cửu từ sáng tác của các bậc tiền bối đi trước cho hậu thế mai sau. Một trong những tác phẩm nổi bật không thể nào quên là bài thơ Xuân Vãn của một vị vua, một thiền sư mà người đời sau luôn kính trọng và ca tụng là Phật Hoàng Trần Nhân Tông.

Hầu hết các thi phẩm của Trần Nhân Tông thì thơ xuân chiếm phần lớn. Có lẽ, thiên nhiên là cảm hứng chủ đạo chắp cánh cho những vần thơ của Ngài thêm bay bổng và lung linh. Xuân Vãn được Ngài sáng tác bằng chữ Hán, theo lối cổ phong với thể thơ Thất Ngôn Tứ Tuyệt gồm: Bốn câu và hai mươi tám chữ. Nhìn qua, chúng ta sẽ thấy bài thơ có bốn phần: Vần, đối, luật, niêm đều được tác giả tuân thủ nghiêm ngặt, đúng đắn. Cách gieo vần bằng ở cuối câu 1, 2, 4 "không, trung, hồng" khiến bài thơ nhẹ nhàng, sâu lắng như tâm tư của tác giả dần hiển lộ. Có chăng, đó là sự suy tư về cuộc đời?

Mở đầu bài thơ là sự chiêm nghiệm của tác giả: "*Niên thiếu hà tăng liễu sắc không*" (tuổi trẻ chưa từng liễu sắc không). Câu thơ này có chức năng văn học là giới thiệu đề bài và kết nối đề bài với những phần còn lại trong bài thơ. Với

tựa đề "Xuân vãn" (cuối xuân), mới nghe qua chúng ta có thể liên tưởng đến hình ảnh mùa xuân đang hiện hữu nhưng sắp qua đi, tưởng chừng không bao giờ quay lại với một sự vắn vưng tơ lòng, và chúng ta có thể khẳng định ngay lập tức đây là bài thơ tả cảnh cuối xuân, nhưng không phải vậy, dù tả xuân nhưng thực chất bài thơ không nói gì về xuân, mà chỉ lấy hư để tả thực, tức là mượn cảnh để nói lên quãng đời niên thiếu của tác giả, cũng ngầm hiểu là lúc chưa ngộ đạo. Khi chưa thấu hiểu lý bát nhã, chưa rõ thể tánh không của các pháp, tác giả cứ ngổ thân tâm và cảnh vật đều thật có, nên tâm trạng không khỏi bồi hồi, xao xuyến trước cảnh xuân về.

Câu thơ thứ hai có chức năng văn học là triển khai ý tứ của phần đầu, nó giải thích và nhấn mạnh rõ hơn về vẻ đẹp mê đắm lòng người của mùa xuân: "*Nhất xuân tâm sự bách hoa trung*" (xuân sang hoa nở rộn tơ lòng). Khi tuổi còn trẻ có ai không mộng mơ, yêu đời? Tác giả cũng thế, cũng đang đắm mình trong vẻ đẹp của thiên nhiên khi thấy ngàn hoa đua sắc, nở rộ trong lòng, đan xen với màu sắc lung linh ấy chắc hẳn phải là hình ảnh đặc trưng của đất trời sắp bước vào giai đoạn chuyển giao mùa, đó là sự thay đổi của những chồi non khi đã không còn e ấp, yếu ớt như ngày nào, chúng đã mạnh mẽ vươn mình, duỗi rộng thân để đón những tia nắng ấm áp, hay những cơn mưa rào đi ngang qua. Cảnh vật lộng lẫy, quyến rũ ấy như muốn níu lấy lòng người, chiếm trọn trái tim của con người trong từng nhịp đập, hơi thở với bao khát vọng, ước mơ và hoài bão của một thời non dại, nông nổi, bông bột thì còn đâu nữa thời gian để hiểu về lẽ sắc không, rõ về lý bát nhã là: Sắc tức thị không, không tức thị sắc cơ chứ? Đây cũng là tâm trạng chung của con người khi chưa liễu đạo, hay còn non trẻ trên bước đường giác ngộ, bị cảnh trần chi phối, mê hoặc mà có phần lung lay ý chí, gục ngã trước sức hút vô hồn từ những tác nhân bên ngoài.

Thế nhưng, dù cảnh xuân có đẹp đến nao lòng cũng có lúc bị con người khám phá ra mùa xuân thật, mùa xuân muôn đời. Tác giả khi đến lúc trưởng thành, tức là lúc ngộ đạo đã phải thốt lên rằng: "*Như kim khám phá Đông hoàn diện*" (Chúa xuân nay đã thành quen mặt). Chúa xuân ngoài nghĩa nói về vị trí quyền lực của mùa xuân khi nó là điểm bắt đầu trong năm, nhưng càng ý nghĩa hơn khi đó cũng là sự khám phá của tác giả về sự tuần hoàn tất yếu của thiên nhiên trong bốn mùa, và cũng ngầm nói lên trí tuệ khi ngộ đạo của tác giả đó là sự hiểu rõ cái chân thật của chính mình và tiến trình của vạn pháp theo bốn giai đoạn sinh, trụ, dị, diệt. Với hình ảnh "đông hoàn diện" là hình ảnh cuối của mùa đông trước hoàng hôn, báo hiệu mùa đông sắp kết thúc để chuẩn bị cho một mùa xuân mới tiếp diễn, đó là chi tiết nhấn mạnh về sự chuyển hóa liên tục của vạn pháp, tác giả nhận ra rằng kết thúc sẽ là sự bắt đầu chứ không phải là chấm dứt, dòng sinh tử của con người cũng vậy, sẽ chưa dừng lại nếu con người vẫn còn u mê chưa chịu giác ngộ.

Đến đây, Trần Nhân Tông đã có thể "*Thiền bản, bồ đoàn khán trụ hồng*" (nệm cỏ ngồi yên ngó rụng hồng). Vì đã hiểu ra chân lý của cuộc đời, tác giả không còn mơ hồ về các pháp mà vẫn an nhiên, tự tại dù đang ngồi trên chiếc chõng, giường nhỏ hay bồ đoàn thì đều ngắm nhìn vạn vật bên ngoài từ chân tâm hằng thanh tịnh, khi hoa nở cũng như hoa rụng tâm không bị cảnh chuyển, vì đó là bản chất của mùa xuân, nó không trường tồn nhưng cũng không mất hẳn, xuân đến rồi đi như một quy luật tất yếu của vũ trụ, chúng ta đừng để tâm duyên theo cảnh mà cũng đến đi, rong ruổi khắp chốn, thay vào đó là hãy trở về trạng thái liễu ngộ, tâm thường tĩnh lặng nhưng vẫn thường tri, tức là tâm lặng yên nhưng vẫn sáng suốt, vượt khỏi dòng sông mê chấp, đến bên bờ giác ngộ, giải thoát.

Bài thơ "*Xuân Vãn*" của Trần Nhân Tông mang tính phổ quát và trùm khắp mà ai cũng có thể hiểu vì có thể nói rằng mùa xuân luôn là nguồn cảm hứng vô tận trong sáng tác của các thi sĩ từ xưa đến nay. Lại nữa, mùa xuân luôn gần gũi và thân thiện với con người, là mùa của sự sinh sôi, nảy nở và là mùa của niềm tin và hy vọng của đông đảo quần chúng về một khởi đầu tốt cho một năm thuận lợi. Do đó, bài thơ này phù hợp với số đông, dễ dàng được số đông đón nhận và lưu truyền.

Không gian và thời gian là hai cặp phạm trù song hành không thể thiếu trong bài thơ "*Xuân Vãn*". Nếu nói đến không gian rộng là biểu trưng cho khát vọng, ý chí lớn, chắc chắn điều đó không xuất hiện trong sáng tác của Thiền sư. Nhưng biểu trưng cho một không gian gửi gắm vào nó ước muốn của cá nhân về sự thay đổi tất nhiên là có. Và không gian hẹp được dựng nên trong bài thơ của Trần Nhân Tông chính là cảnh cuối xuân, đó cũng chính là giây phút con người nhận ra lẽ thật của cuộc đời mà dừng lại vọng tâm của chính mình. Thời gian cũng góp phần phản ánh hiện thực, những liên hệ giữa ba thời để thấy được sự nhanh - chậm, bất động - biến động của thân tâm và ngoại cảnh. Để rồi chợt nhận ra vạn pháp vốn giai không, chỉ có sự tu hành và tỉnh giác mới là điều quan trọng nhất trong hiện tại của một kiếp người.

Thiên nhiên trong bài thơ được nhìn nhận như một khách thể. Tác giả quan sát khách thể đó đến từng chi tiết như: "*Bách hoa trung*", "*đông hoàn diện*", mượn những hình ảnh sắc nét và sống động này để gửi tâm tư, tình cảm, dẫn dắt người đọc đi vào ý nghĩa sâu xa hơn từ vẻ đẹp bên ngoài của thiên nhiên, đó là sự vô thường, khổ, vô ngã của vạn pháp để từ đó con người sống tích cực và lạc quan hơn, góp phần rất lớn trong việc ổn định trật tự xã hội thời bấy giờ.

Có thể nói là thiếu sót nếu chúng ta không xem qua đặc điểm nghệ thuật khi tìm hiểu một tác phẩm văn học. Bên cạnh phương thức diễn đạt: Lời ít ý nhiều,

lấy hư diễn thật với ngôn từ mộc mạc, giản dị và gần gũi, tác giả còn sử dụng hình tượng nghệ thuật nhân hóa: "Đông hoàn diện" (khôn mặt của mùa đông lúc hoàng hôn) để thổi hồn vào cảnh vật vốn dĩ vô tri, vô giác, qua đó đưa vào bài thơ chân lý về sự giác ngộ lý Thiền của tác giả.

Kết luận



Ảnh: Internet

“ Mỹ học là một nền tảng sâu sắc để giải mã văn học thiền, phục dựng mối quan hệ máu thịt của nền văn học đó với nguồn gốc triết học và đời sống văn hóa Phật giáo, dung hòa cái đẹp trong quan niệm tu chứng, thực hành với cái đẹp trong sự thăng hoa của tinh thần, của sáng tạo” [1, tr. 111.] Tóm lại, bài thơ "Xuân Vãn" của Trần Nhân Tông mang đến cho người đọc những cung bậc cảm xúc khác nhau, trước vẻ đẹp của thiên nhiên, mùa xuân Bài thơ cho thấy khi con người ta mới lớn chưa biết được giáo lý của Phật thì chạy theo phù phiến xa hoa của cuộc đời, cái đẹp của thiên nhiên làm cho tâm hồn thay đổi theo. Tâm hồn giống như con ngựa chạy, khi chuyển cãnh không đứng im một chỗ, luôn tìm cái đẹp cái hoàn hảo, nhưng một khi biết giáo lý của Phật, hiểu được vô thường, khổ không vô ngã, thì mọi thứ bình thường cho dù chúa xuân đang ở kế bên đi nữa thì cũng không là gì. Cho nên *“Chúa xuân nay đã thành quen mặt, Nệm cỏ ngồi yên, ngó rặng hồng”*. Trong tác phẩm nhấn mạnh rõ mỹ học thiền qua phương thức nghệ thuật, về cái đẹp, lấy cái đẹp để bình giảng trước vẻ đẹp thiên nhiên, để thể hiện đạo đức tu hành, thiên nhiên thay đổi nhưng con người vẫn tĩnh trước thiên nhiên đó là kết quả của một quá trình tu tập.

Tác giả: **Phan Thị Quyên (Thích nữ Thiên Giác)**

Học viên Thạc sĩ K.II, chuyên ngành Văn học Phật giáo, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

Tài liệu tham khảo:

Tài liệu sách

[1] Lê Thị Thanh Tâm, *Thơ ca Phật giáo Việt Nam - Đông Á nhìn từ mỹ học thiền*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2019.

[2] HT Thích Thanh Từ dịch, *Cuối xuân*, Mùa xuân kỷ sửu, Tại Thiền thất Viên Giác, 2009.

[3] Đoàn Thị Thu Vân, *Thơ Thiền Lý-Trần, văn học Việt Nam - những tác phẩm tiêu biểu*, Nxb Văn nghệ Tphcm, 1998.

[4] Đoàn Thị Thu Vân, *Thơ Thiền Lý-Trần, văn học Việt Nam - những tác phẩm tiêu biểu, Cuối xuân*, Nxb Văn nghệ Tp.hcm, 1998.

Tài liệu internet

[1] Cảm hứng thiền trong thơ thiên nhiên đời Trần:
<https://www.daophatngaynay.com/vn/phatgiao-vn/van-hoc-vn/5004-Cam-hung-thien-trong-tho-thien-nhien-doi-Tran.html>

[2] Bài thơ Xuân Vãn của Điều ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông:
<https://thuvienhoasen.org/a9226/bai-tho-xuan-van-cua-dieu-ngu-giac-hoang-tran-nhan-tong>